

Số: 18/2026/NQ-HĐND

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi quản lý và thực hiện
chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo
có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số
87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số
điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của
Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng
tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về
chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy
định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi
mới sáng tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về
đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng
tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi
nghiệp đổi mới sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng
tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;*

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Xét Tờ trình số 5562/TTr-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi quản lý và thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi quản lý và thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung, mức chi quản lý và thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2026.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành quy định định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; bãi bỏ mục II phần C của phụ lục I kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc cho áp dụng và bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận, tỉnh Đắk Nông, tỉnh Lâm Đồng đã ban hành trước khi sáp nhập.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng khóa XI, Kỳ họp thứ 2 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 12 tháng 5 năm 2026./mhc

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Tài chính;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa XI;
- VP: TU, ĐDBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm hạ tầng và Công nghệ số tỉnh;
- Trung tâm LTLS tỉnh;
- Trang TTĐT VP ĐDBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Lưu Văn Trung

QUY ĐỊNH

**Nội dung, mức chi quản lý và thực hiện
chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo
có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2026/NQ-HĐND).

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi quản lý và thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng được quy định tại khoản 1, khoản 4, và các điểm a, đ, e, i và k khoản 11 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Các nội dung và mức chi khác phục vụ chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN, Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN và các quy định pháp luật có liên quan. Trường hợp, các mức chi đã được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành thì áp dụng các mức chi quy định tại văn bản đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lâm Đồng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

**Nội dung và mức chi cho công tác quản lý hoạt động khoa học, công nghệ
và đổi mới sáng tạo**

Điều 3. Một số nội dung, mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chi tổ chức Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm các loại hội đồng như sau: Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hội đồng xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; hội đồng đánh giá khả năng ứng dụng kết quả của nhiệm vụ khoa học, công

nghệ và đổi mới sáng tạo; hội đồng để xác định danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng; hội đồng tư vấn chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; hội đồng điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hội đồng xác định danh mục các chương trình hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ tài chính, phân bổ kinh phí đối với từng chương trình hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ tài chính; hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển; hội đồng đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (*tổ chức; chương trình; chính sách, chiến lược*).

a) Chi tiền thù lao

Đơn vị tính: 1.000 đồng/1 người/1 phiếu nhận xét

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi Hội đồng: Xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; xác định danh mục đổi mới sáng tạo đặt hàng; xác định danh mục các chương trình hỗ trợ tài chính, phân bổ kinh phí đối với từng chương trình hỗ trợ tài chính; tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển		
<i>a</i>	<i>Chi hợp Hội đồng</i>	<i>Hội đồng</i>	
	Chủ tịch Hội đồng		1.800
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng		1.500
	Thư ký khoa học		300
	Thư ký hành chính		300
	Đại biểu được mời tham dự		200
<i>b</i>	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>	<i>01 phiếu nhận xét</i>	
	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng		700
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện		1.000
2	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch Hội đồng		700

	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng		500
3	Chi Hội đồng tư vấn điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo		
<i>a</i>	<i>Chi hợp Hội đồng</i>	<i>Hội đồng</i>	
	Chủ tịch Hội đồng		1.500
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.000
	Thư ký khoa học		300
	Thư ký hành chính		300
	Đại biểu được mời tham dự		200
<i>b</i>	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>	<i>01 phiếu nhận xét</i>	
	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng		500
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện		700
4	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		
<i>a</i>	<i>Chi hợp Hội đồng</i>	<i>01 Nhiệm vụ có 01 hoặc nhiều đơn vị có nhu cầu ứng dụng kết quả</i>	
	Chủ tịch Hội đồng		1.800
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.500
	Thư ký khoa học		300
	Thư ký hành chính		300
	Đại biểu được mời tham dự		200

<i>b</i>	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>	<i>01 phiếu nhận xét</i>	
	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng		700
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, thành viên phản biện		1.000
5	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược		
<i>a</i>	<i>Chi hợp Hội đồng</i>	<i>Hội đồng</i>	Theo công lao động thực tế và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu.
	Chủ tịch Hội đồng	Công	
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Công	
	Thư ký khoa học	Công	
	Thư ký hành chính	Công	
<i>b</i>	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>	<i>01 phiếu nhận xét</i>	
	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng		1.000
6	Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập; chuyên gia tư vấn độc lập phục vụ Hội đồng; chuyên gia tư vấn độc lập tham gia Tổ chuyên gia	Chuyên gia	1.500

b) Chi thù lao của Hội đồng thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được áp dụng bằng 150% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều này.

Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập (*nếu cần*) thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được áp dụng theo số công lao động dự kiến để thực hiện thẩm định và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu (sau đây viết tắt là Thông tư số 004/2025/TT-BNV).

c) Chi thù lao của các Hội đồng khác gồm: Hội đồng thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hội đồng tư vấn để xem xét việc thu hồi hoặc hủy bỏ hiệu lực giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hội đồng tư vấn công nhận/hội đồng tư vấn chấm dứt, hủy bỏ hoặc từ chối chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực giấy công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo; hội đồng đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ; hội đồng xây dựng khung chương trình hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ tài chính; hội đồng xét duyệt đối tượng cung cấp và sản phẩm mới, dịch vụ mới được áp dụng bằng 100% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều này.

d) Các nội dung chi khác (*thuê hội trường, văn phòng phẩm, nước uống, công tác phí và các chi phí cần thiết khác*) được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật (*nếu có*).

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chi tiền thù lao:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	1.000
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	200

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định (*thuê hội trường, văn phòng phẩm, nước uống, công tác phí và các chi phí cần thiết khác*) được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật.

3. Chi thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên các phương tiện truyền thông (*báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác*): Thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (*nếu có*), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

4. Chi công tác kiểm tra đánh giá trong kỳ và đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

b) Chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá trong kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 và mục 5 điểm a khoản 1 Điều này.

c) Chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo được áp dụng bằng 100% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 và mục 5 điểm a khoản 1 Điều này.

5. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (*nếu có*) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo như sau:

a) Người chủ trì hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 2.000.000 đồng/buổi;

b) Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 700.000 đồng/buổi;

c) Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 5.000.000 đồng/báo cáo;

d) Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo khoa học: 3.000.000 đồng/báo cáo;

đ) Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 300.000 đồng/thành viên/buổi.

6. Đối với chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thành lập các Ban Chủ nhiệm chương trình: Mức chi thù lao các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm chương trình áp dụng theo mức chi cho thành viên hội đồng của Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Mức chi cho các hoạt động của Ban Chủ nhiệm chương trình thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Chi tổ chức xây dựng, tổ chức đánh giá kết quả, hiệu quả và tác động của chính sách, chiến lược, kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của tỉnh, chi cho tổ chức đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định tại các Điều 47, 48 và 49 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP, bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập, tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tham vấn, lấy ý kiến, khảo sát trong nước được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Chi điều tra khảo sát, thu thập và phân tích thông tin: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN. Trong trường hợp Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên tại các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại điểm a khoản 8 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN thì áp dụng theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Chi thuê chuyên gia tư vấn, tổ chức tư vấn độc lập để xây dựng hoặc đánh giá: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV; các chi phí cần thiết khác theo chế độ, định mức hiện hành (*nếu có*) và các báo giá liên quan.

c) Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (*đoàn ra, đoàn vào*) phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

d) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch: thực hiện chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ và quy định của pháp luật về đấu thầu trong phạm vi dự toán kinh phí cho nhiệm vụ này đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Chi công tác thông tin, tuyên truyền, công bố chiến lược, kế hoạch trên các phương tiện truyền thông (*báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác*): Thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (*nếu có*), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

e) Các khoản chi khác như chi mua báo cáo, tài liệu, dữ liệu chuyên sâu để phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch: Thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ và định mức chi ngân sách nhà nước (*nếu có*), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Mục 2
Nội dung và mức chi cho công tác thực hiện
nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Điều 4. Các nội dung chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Các nội dung thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 và khoản 4 điều 6 Nghị định 265/2025/NĐ-CP.

Điều 5. Xác định mức chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

Đối với nội dung nghiên cứu quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy đổi thành tháng là 70 triệu đồng/người/tháng; đối với các chức danh quy định tại Điều 8 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao bằng 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ và tối đa không vượt hệ số lao động khoa học của các chức danh quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

2. Hệ số lao động khoa học của các chức danh theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN

3. Mức chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

Điều 6. Xác định mức chi thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu, triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia để thuyết minh rõ cho hội đồng xét tài trợ, đặt hàng xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung công việc và dự toán thuê chuyên gia. Căn cứ lập dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV. Tổng dự toán kinh phí thực hiện thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 13 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

Trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 13 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN, cơ quan có thẩm quyền quyết định sau khi có văn bản giải trình của cơ quan chủ trì nhiệm vụ.

2. Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có nhu cầu thuê chuyên gia là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc là người nước ngoài, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả của việc thuê chuyên gia, hiệu quả của việc thuê chuyên gia cho hội đồng xét tài trợ, đặt hàng xem xét, trình cơ quan quản lý nhiệm vụ phê duyệt theo biên bản thương thảo nội dung yêu cầu công việc và mức thù lao chuyên gia giữa tổ chức đăng ký chủ trì và chuyên gia. Tổng kinh phí thực hiện nội dung thuê chuyên gia không quá 50% tổng kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ đặc thù hoặc công nghệ lõi của chuyên đổi số có tổng kinh phí thực hiện nội dung thuê chuyên gia vượt quá 50% tổng kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giải trình cụ thể lý do để cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

Điều 7. Mức chi công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn ở trong nước và nước ngoài phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được lập căn cứ vào mức phí tham gia do Ban tổ chức thông báo.

3. Mức chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết này.

Điều 8. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu

Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành (*nếu có*); hoặc theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trong trường hợp Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên tại các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Điều 19 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN thì áp dụng theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Đối với điều tra, khảo sát thu thập số liệu phục vụ hoạt động nghiên cứu: Các nội dung và mức chi bao gồm: Chi lập mẫu phiếu điều tra, khảo sát; chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra, khảo sát; chi tiền công và chi cho đối tượng cung cấp thông tin; chi xử lý kết quả điều tra; chi in ấn tài liệu phục vụ điều tra, khảo sát. Trong đó mức chi in ấn tài liệu phục vụ điều tra, khảo sát căn cứ vào hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 9. Chi cho tổ chức chủ trì để thực hiện công tác quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chi cho tổ chức chủ trì để thực hiện công tác quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

2. Mức chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều này.

Điều 10. Mức chi thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo

1. Mức chi thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36 và Điều 37 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

2. Đối với các nội dung chi tại khoản 4 điều 6 của Nghị định 265/2025/NĐ-CP thì mức đảm bảo ngân sách nhà nước quy định tại Điều 4 của Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

Các nội dung chi quản lý và thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo các văn bản hướng dẫn có liên quan tại thời điểm cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.